

Bản án số: 210/2022/HC-PT

Ngày: 25 - 3 - 2022

V/v Khiếu kiện quyết định hành chính
về giải quyết khiếu nại trong lĩnh vực
bồi thường giải phóng mặt bằng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Duyên

Các Thẩm phán: Ông Lê Văn An

Ông Nguyễn Văn Khương

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Yến – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Hà Văn Hùng – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 179/2021/TLPT-HC ngày 08 tháng 3 năm 2021 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính về giải quyết khiếu nại trong lĩnh vực bồi thường giải phóng mặt bằng”.

Do bản án hành chính sơ thẩm số: 01/2021/HC-ST ngày 22 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 2603/2021/QĐPT-HC ngày 23 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Dương Bình N, sinh năm 1953 (xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Số 89 đường L, Phường X3, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

- Người bị kiện:

1/Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng

Địa chỉ: Số 01 đường C, Phường X2, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng: Ông Vương Quốc N - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng (xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ liên hệ: Số 01 C, Phường X2, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng: Ông Nguyễn Hùng A - Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng (có mặt)

Địa chỉ liên hệ: Số 18 H, Phường X6, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

2/Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 18 H, Phường X6, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

3/Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng;

Người đại diện hợp pháp: Ông Quách Hoàng Đ, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện M (xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Số 30 đường N, ấp V, thị trấn M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

4/Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng;

Địa chỉ liên hệ: Số 30 đường N, ấp V, thị trấn M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện hợp pháp: Ông Quách Hoàng Đ, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện M (xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ liên hệ: Số 30 đường N, ấp V, thị trấn M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/Bà Sơn Thị N1, sinh năm 1956 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

2/ Những người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của bà Thị S (đã chết):

- Ông Sơn Xi N2, sinh năm 1948. Hiện cư trú tại Campuchia (không rõ địa chỉ cụ thể).

- Bà Sơn Thị N3, sinh năm 1953 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã V, thị xã V1, tỉnh Sóc Trăng

- Ông Sơn Săn H1, sinh năm 1954 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

- Bà Sơn Thị N1, sinh năm 1956 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

- Bà Sơn Thị S1, sinh năm 1962. Hiện cư trú tại Campuchia (không rõ địa chỉ cụ thể).

- Bà Sơn Thị H5, sinh năm 1966 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng

Người đại diện theo ủy quyền của bà Sơn Thị N3: Bà Sơn Thị N1, sinh năm 1956 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng

3/Ông Huỳnh Phước H8, sinh năm 1960 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

- *Người kháng cáo:* Người khởi kiện ông Dương Bình N, người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 18/10/2013 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người khởi kiện là ông Dương Bình N trình bày:

Phần đất có diện tích 44.360m^2 (dài 600m) nằm cặp Quốc lộ 1A có nguồn gốc là của bà Ngô Thị Kim S3 (mẹ ruột của ông N). Trước năm 1950 đất này là ruộng; sau năm 1950 vì sửa chữa cầu C, Nhà nước có đồ đất dư nên đã lấp hai lô đất trên thành đất cây lâu năm. Năm 1960 gia đình ông N có chôn cất ông bà, cha mẹ và cậu ruột của ông N trên phần diện tích đất nêu trên. Năm 1971, mẹ của ông đã truất hữu hết đất ruộng, còn lại hai lô đất bị lấp khi sửa cầu Cần Đức thì gia đình ông Sơn S4, Sơn X2 và Sơn S5 cùng dân chúng địa phương đến chiếm đất.

Trước năm 1975, gia đình ông N có làm đơn đòi lại phần đất bị chiếm, nhưng chưa được giải quyết. Đến năm 1990, Nhà nước ra Quyết định số 240B trả lại đất gốc cho dân, gia đình ông làm đơn đòi lại đất gốc vì đó là đất hương hỏa có chôn cất ông bà, cha mẹ và cậu ruột ở đó. Ngày 21/6/1995, Ban giải quyết ruộng đất huyện M buộc gia đình ông Sơn S4 (chồng bà Thị S) trả lại phần đất 3.000m^2 có mồ mả và đất lâu năm (mặt tiền giáp Quốc lộ 1A là 37m, mặt hậu giáp đất ruộng ông Lâm Vĩnh Sơn 37m, ngang 60m). Diện tích đo được là $2.230\text{m}^2 + \text{lộ giới} = 3.000\text{m}^2$. Đến ngày 01/8/1997 bà Ngô Thị Kim S3 được Ủy ban nhân dân huyện M cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00033, diện tích được cấp là 2.230m^2 , tọa lạc tại ấp C, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

Năm 2001, ông Sơn Sãn H1 (con ông Sơn S4) bán đất cho bà Lâm Thị Vinh có lấn qua diện tích đất của ông phần lộ giới 6m. Ông N làm đơn khiếu nại thì Thanh tra huyện M có đo đạc lại phần đất $2.230\text{m}^2 + \text{lộ giới}$, diện tích đất có tăng thêm lên $2.974\text{m}^2 + \text{lộ giới} = 3.739\text{m}^2$. Theo bản vẽ ngày 04/8/2003 thì đất có mặt tiền 32,9m, mặt sau giáp ruộng Sân B dài 49,4m, ngang 69,4m, diện tích có tăng nhưng không lấn sang hai bên nên hai bên chấm dứt tranh chấp.

Năm 2002, Ban giải phóng mặt bằng Quốc lộ 1A đến đo đạc và đến đầu năm 2003 ông N được cấp giấy chứng nhận bồi hoàn tiền mặt bằng diện tích 262m^2 , tương đương 26 triệu đồng.

Ngày 05/7/2004, Ủy ban nhân dân huyện ra Quyết định số 627/QĐ.GQKN. 04, sau đó ngày 24/02/2005 Ủy ban nhân dân tỉnh ra Quyết định số 27/QĐ.GQKN05 công nhận Quyết định số 627/QĐ.GQKN.04 là đúng. Sau đó, ngày 31/10/2005, Ủy ban nhân dân huyện M cấp cho ông N Giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất mới số AD-253488, diện tích có tăng nhưng không ảnh hưởng hai bên.

Đến ngày 17/6/2005, xã có giấy thông báo nhận tiền, ông có đem theo đầy đủ giấy tờ nhưng lại bị bà Thị S và con gái Sơn Thị N1 đến ngăn cản không cho lãnh. Sau đó xã giải quyết cho ông lãnh tiền đợt sau. Gia đình bà Thị S có khiếu nại và được giải quyết như sau:

- Ngày 11/01/2006, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện M ra Quyết định số 14/QĐKN-CTUBH công nhận diện tích 262m² đất nằm trong lộ giới là đất gốc của Dương Bình N và bác yêu cầu của bà Thị S. Bà S tiếp tục khiếu nại.

- Ngày 07/4/2006, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện M ra Quyết định 146/QĐKN-CTUBH, công nhận Quyết định số 14/QĐKN-CTUBH ngày 11/01/2006 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện M, công nhận diện tích 262m² nằm trong phạm vi lộ giới là đất gốc của Dương Bình N, thuộc ấp C, xã T, huyện M. Bác đơn khiếu nại của bà Thị S. Bà Thị S tiếp tục khiếu nại lên Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Ngày 30/7/2007, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng ra Quyết định số 225/QĐKN-CTUBND hủy Quyết định số 146/QĐKN-CTUBH ngày 07/4/2006 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, về việc giải quyết khiếu nại của bà Thị S cư ngụ ấp C, xã T, huyện M và Quyết định số 14/QĐKN-CTUBH ngày 11/01/2006 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện M, về việc giải quyết tranh chấp tiền đền bù giải phóng mặt bằng Quốc lộ 1A giữa ông Dương Bình N và bà Thị S. Công nhận diện tích 262m² nằm trong phạm vi giải quyết Quốc lộ 1A, tọa lạc ấp C, xã T, huyện M là đất gốc của bà S, bà S được lãnh tiền đền bù mặt bằng Quốc lộ 1A trên diện tích này.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng ban hành Quyết định số 12/QĐKN-CTUBND ngày 25/3/2013 về việc thu hồi, hủy bỏ Quyết định số 225/QĐKN-CTUBND ngày 30/7/2007 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

Ngày 25/3/2013, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng ban hành Quyết định số 13/QĐKN-CTUBND, về việc giải quyết khiếu nại lần hai của bà Thị S, cư ngụ ấp C, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng, với nội dung: “Công nhận nội dung khiếu nại xin nhận tiền bồi thường giải phóng mặt bằng của bà Thị S Quốc lộ 1A trên diện tích đất 262m² của bà Thị S là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật”. Ông Dương Bình N cho rằng Quyết định số 13/QĐKN-CTUBND nêu trên gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông, nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết:

1/Hủy Quyết định số 13/QĐKN-CTUBND ngày 25/3/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng, về việc giải quyết khiếu nại lần hai của bà Thị S cư ngụ ấp C, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

2/Cho ông Dương Bình N được lãnh tiền bồi hoàn với diện tích 262m² giá trị là 26.500.000 đồng theo thời giá năm 2003, đến năm 2013 số tiền là 265.000.000 đồng.

3/Yêu cầu bồi thường chi phí đi lại từ ngày 17/6/2005 đến ngày 18/10/2013 cứ mỗi năm là 1.000.000 đồng, tổng cộng 8 năm là 8.000.000 đồng.

4/Yêu cầu bồi thường tiền mất công ăn việc làm từ ngày 17/6/2005 đến ngày 18/10/2013 mỗi năm là 18.000.000 đồng, tổng cộng 8 năm là 144.000.000 đồng.

Vụ án đã được Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng thụ lý và giải quyết theo Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2014/HC-ST ngày 19/02/2014 và Bản án hành chính phúc thẩm số 120/2014/HCPT ngày 28/8/2014 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 12/7/2019, Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao Quyết định giám đốc thẩm số 14/2019/HC-GĐT tuyên hủy Bản án hành chính phúc thẩm số 120/2014/HC-PT ngày 28/8/2014 và Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2014/HC-ST ngày 19/02/2014, giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng giải quyết lại vụ án.

Ngày 28/8/2019, Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng đã thụ lý vụ án theo thủ tục thông thường.

Ngày 19/9/2019, người khởi kiện ông Dương Bình N xác định yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết như sau:

1/Hủy Quyết định số 13/QĐKN-CTUBND ngày 25/3/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng;

2/Yêu cầu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng bồi hoàn diện tích 262m² giá trị là 26.500.000 đồng theo thời giá năm 2003 đến hiện nay năm 2021 thì số tiền = diện tích 262m² x giá đất ở thị trường thời điểm 2021.

3/Yêu cầu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng bồi thường chi phí đi lại từ ngày 17/6/2005 đến hiện nay năm 2021 mỗi năm là 1.000.000 đồng, tổng cộng 16 năm là 16.000.000 đồng;

4/Yêu cầu bồi thường tiền mất công ăn việc làm từ ngày 17/6/2005 đến nay năm 2021 mỗi năm là 18.000.000 đồng, tổng cộng 16 năm là 288.000.000 đồng.

Ngày 25/02/2020, người khởi kiện ông Dương Bình N có đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu Tòa án giải quyết bao gồm:

Ông đang khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết hủy Quyết định số 13/QĐKN-CTUBND ngày 25/3/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc giải quyết khiếu nại lần hai của bà Thị S liên quan đến phần đất diện tích 262,3m² nằm trong phạm vi lộ giới tọa lạc ấp C, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

Tuy nhiên, ông được biết phần đất giáp Quốc Lộ 1A (trong đó có liên quan diện tích 262,3m² nằm trong phạm vi lộ giới ông vẫn đang khởi kiện Quyết định số 13) thuộc thửa đất số 1462, tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại ấp C, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân

dân huyện M cấp cho ông ngày 31/10/2005, hiện đã được Ủy ban nhân dân huyện M cấp diện tích 189,1m² thành thửa đất số 159, tờ bản đồ số 16 cho bà Thị S ngày 22/02/2016, sau đó bà S chuyển nhượng phần đất này lại cho ông Huỳnh Phước H8 và hiện ông H8 đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 02/6/2016.

Nay ông khởi kiện bổ sung yêu cầu Tòa án giải quyết:

1/Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện M cấp cho bà Thị S ngày 22/02/2016 đối với thửa đất số 159, tờ bản đồ số 16 (diện tích 189,1m²), tọa lạc ấp C, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

2/Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng cấp cho ông Huỳnh Phước H8 ngày 02/6/2016 đối với thửa đất số 159, tờ bản đồ số 16 (diện tích 189,1m²), tọa lạc ấp C, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

Ngày 11/6/2020, Người khởi kiện có đơn xin rút lại yêu cầu khởi kiện bổ sung về việc yêu cầu hủy hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa 159 nêu trên.

Tại Văn bản số 2781/UBND-NC ngày 26/12/2019 của người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện Chủ tịch UBND tỉnh Sóc Trăng, có ý kiến như sau:

Về nguồn gốc đất là của bà Ngô Thị Kim S3 (mẹ của ông Dương Bình N) cho ông Sơn S4 (vợ là Thị S) thuê mướn, diện tích 10.000m², đất tọa lạc ấp C, xã T, huyện M; đến năm 1971 ông Sơn S4 được chế độ cũ cấp giấy Chứng thư người cày có ruộng.

Năm 1995, bà Ngô Thị Kim S3 xin lại đất cũ; theo Khoản 6 Mục I chính sách quản lý và cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nhà, đất cho thuê ở đô thị ở các tỉnh phía nam ban hành kèm theo Quyết định số 111/CP ngày 14/4/1977 của Hội đồng Chính phủ (nay là Chính phủ) quy định “Nhà nước trực tiếp quản lý toàn bộ đất cho thuê không phân biệt diện tích nhiều hay ít và nói chung không bồi hoàn, trừ trường hợp đặc biệt”. Đất của bà Ngô Thị Kim S3 sử dụng vào việc cho thuê mướn; không thuộc trường hợp giải quyết trả lại.

Tuy nhiên, trong khu vực đất trên có hình thành khu mồ mã ông, bà của bà S3 nên Đoàn giải quyết ruộng đất huyện M xem xét, giải quyết ông Sơn S4 giao lại diện tích 3000m² cho bà Ngô Thị Kim S3; hai bên đã thống nhất (theo trích biên bản đề ngày 21/6/1995) và bà Ngô Thị Kim S3 được Ủy ban nhân dân huyện M cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 01/8/1997 thửa số 1462, tờ bản đồ số 02 (loại đất +N⁺ + LNK).

Quá trình quản lý, sử dụng đất giữa ông Dương Bình N với gia đình ông Sơn S4 phát sinh tranh chấp ranh; cơ quan chức năng huyện M đo đạc xác định lại và được ông Dương Bình N thống nhất diện tích đất 2.974m² (liền kề từ chỉ giới Quốc lộ 1A, có sơ đồ đo đạc kèm theo); tương ứng với diện tích đất 3.000m² được ông Sơn S4 giao lại cho bà S3 năm 1995. Ngày 31/10/2005, Ủy ban nhân dân huyện M cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD

253488 cho ông Dương Bình N diện tích 2.974m².

Do vậy, đối với phần đất trong lộ giới Quốc lộ 1A là của gia đình ông Sơn S4, vợ là Thị S; nên Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng giải quyết khiếu nại lần hai tại Quyết định số 13/QĐKN-CTUBND ngày 25/3/2013 công nhận nội dung khiếu nại xin nhận tiền bồi thường giải phóng mặt bằng Quốc lộ 1A trên diện tích đất 262,3m² của bà Thị S là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

Người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng nhận thấy việc ông Dương Bình N yêu cầu giải quyết hủy Quyết định số 13/QĐKN-CTUBND ngày 25/3/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng; cho ông N được lãnh tiền bồi hoàn và yêu cầu bồi thường các chi phí liên quan là hoàn toàn không có căn cứ; đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xem xét, không chấp nhận.

Tại Văn bản số 588/STNMT-TTr ngày 19/3/2020 của người bị kiện Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng, có ý kiến như sau:

Theo hồ sơ thể hiện diện tích đất diện tích 189,1m² nêu trên nằm trong tổng diện tích đất 10.000m² của gia đình ông Sơn S4, vợ là Thị S (Sék) thuê mướn của bà Ngô Thị Kim S3 (con là Dương Bình N) từ trước năm 1975.

Quá trình giải quyết từ năm 1995, ông Sơn S4, bà Thị S đã đồng ý giao lại cho bà Ngô Thị Kim S3 phần đất có mồ mã với diện tích 3.000m²; sau đó ông Dương Bình N lập thủ tục và được UBND huyện M cấp đã cấp đổi Giấy chứng nhận ngày 31/10/2005 với diện tích 2.974m² (liền kề chỉ giới Quốc lộ 1A).

Theo Quyết định số 13/QĐKN-CTUBND ngày 25/3/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh Sóc Trăng (giải quyết khiếu nại lần 2) xác định đất trong phạm vi lộ giới Quốc lộ 1A không được công nhận là đất gốc của gia đình bà Ngô Thị Kim S3, vì từ năm 1945 bà Ngô Thị Kim S3 đã giao cho ông Sơn S4 thuê mướn, năm 1971 ông Sơn S4 được cấp Chứng thư người cày có ruộng và phần đất này cũng không nằm trong diện tích đất bà S giao lại cho bà S3.

Ngày 22/02/2016, UBND huyện M cấp Giấy chứng nhận số CD 924009 cho bà Thị S thửa số 159, tờ bản đồ số 16, tọa lạc ấp C, xã T, huyện M.

Căn cứ Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Thị S với ông Huỳnh Phước H8 được Chủ tịch UBND xã T chứng thực ngày 07/03/2016; Sở Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy chứng nhận số CD 539060 ngày 02/6/2016 cho ông Huỳnh Phước H8 là đúng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 37 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai. Do vậy, việc ông Dương Bình N khởi kiện, yêu cầu hủy Giấy chứng nhận số CD 539060 đã cấp cho ông Huỳnh Phước H8 là không có cơ sở; đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xem xét, không chấp nhận.

Theo đơn tường trình ngày 22/11/2013 bà Sơn Thị N1 là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bà Thị S và

cũng là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà S trình bày: Ông Dương Bình N khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 13/QĐKN-CTUBND ngày 25/3/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng là không có căn cứ.

Ông N cho rằng phần đất cặp Quốc lộ 1A là đất gốc của bà Ngô Thị Kim S3, mẹ ruột của ông N để lại là không đúng sự thật. Đất trên có nguồn gốc là của ông Ngô Ý (Xã Ý) giao cho bà S (là mẹ tôi) canh tác từ năm 1945 và thu tô đến năm 1970. Bà S được cấp chứng thư cấp quyền sở hữu. Gia đình bà S liên tục canh tác đến sau tiếp thu (1975). Năm 1995 bà S được UBND huyện M cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (số I 336069).

Bà Ngô Thị Kim S3 có đơn xin đất của ông Ngô Ý. Do có mô mã thân nhân của bà chôn trên đất đó nên UBND xã, Đoàn giải quyết huyện M động viên gia đình bà Thị S cho lại bà Ngô Thị Kim S3 3.000m² đất xung quanh mô mã và gia đình bà S đồng ý, bà S3 và ông N đã có đủ diện tích nêu trên.

Năm 2002 khi có lệnh giải phóng mặt bằng quốc lộ 1A, thì ông N lại tranh chấp đòi lãnh tiền đền bù giải phóng mặt bằng là phần đất nhà nước đã giải tỏa 262m² là đất gốc của bà Thị S, không xâm phạm đến diện tích 3000m² mà bà S đã cho gia đình ông N. Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết một cách khách quan, đúng pháp luật.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số: 01/2021/HC-ST ngày 22 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng đã quyết định như sau:

1/Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện ông Dương Bình N về việc yêu cầu: Hủy Quyết định số 13/QĐKN-CTUBND ngày 25/3/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc giải quyết khiếu nại lần hai của bà Thị S, cư ngụ ấp C, xã T, huyện M.

2/Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện về việc yêu cầu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng bồi thường 288.000.000 đồng.

3/Đình chỉ yêu cầu:

+ Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện M cấp cho bà Thị S ngày 22/02/2016 đối với thửa đất số 159, tờ bản đồ số 16 (diện tích 189,1m²), tọa lạc ấp C, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

+ Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng cấp cho ông Huỳnh Phước H8 ngày 02/6/2016 đối với thửa đất số 159, tờ bản đồ số 16 (diện tích 189,1m²), tọa lạc ấp C, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm,

- Ngày 03/02/2021 người khởi kiện ông Dương Bình N kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

- Ngày 04/02/2021 người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng kháng cáo một phần bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện và người bị kiện xin xét xử vắng mặt. Trong phần tranh luận, người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho người bị kiện phát biểu: Nguồn gốc đất là của gia đình ông N, năm 1990 khi có chủ trương trả đất gia đình ông N có xin lại thì Ủy ban nhân dân huyện M chủ trương không trả vì trên đất có mồ mả. Năm 2015 khi mở Quốc lộ 1 có ảnh hưởng phần đất ông N nhưng phần đất này Ủy ban nhân dân đã chủ trương không trả đất nên UBND tỉnh không đồng ý một phần bản án sơ thẩm về việc hủy Quyết định 13/QĐKN-CTUBND ngày 25/3/2013.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Vụ án từ khi Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý đến khi xét xử đã thực hiện đầy đủ các quy định của của Luật tố tụng hành chính, không làm ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của đương sự.

Về nội dung: Những vấn đề về nguồn gốc đất, vị trí đất mà người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho người bị kiện trình bày, đã được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét. Bản án sơ thẩm đã xét xử là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện và người bị kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành trình tự thủ tục theo quy định của Luật tố tụng hành chính, không làm ảnh hưởng quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện ông Dương Bình N và người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng có kháng cáo, xin xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 225 Luật tố tụng hành chính tiến hành xét xử phúc thẩm vụ án.

[2] Ngày 01/8/1997, Ủy ban nhân dân huyện M cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 1462 cho hộ bà Ngô Thị Kim S3, theo lược đồ giải thửa thì thửa 1462 có tứ cận như sau: Hướng đông giáp thửa 579, có số đo 60,5m; Hướng tây giáp thửa 578, có số đo 60m; Hướng nam giáp Quốc lộ 1A, có số đo 37m; Hướng bắc giáp thửa 575 và thửa 1415, số đo 37m (bút lục số 57, 58).

Ngày 22/5/2002, Ban Giải phóng mặt bằng Quốc lộ 1A huyện M lập Biên bản đền bù cho các hộ bị ảnh hưởng bởi dự án khôi phục Quốc lộ 1A, trong đó có hộ bà Ngô Thị Kim S3 (mẹ của ông N), tổng cộng tiền đền bù và trợ cấp được hưởng là 26.540.000 đồng (bút lục số 312, 313). Đến ngày 17/6/2005, Ủy

ban nhân dân xã có giấy thông báo nhận tiền, ông N đã đem theo đầy đủ giấy tờ nhưng lại bị bà Thị S và con gái Sơn Thị N1 đến ngăn cản không cho lãnh. Sau đó, gia đình bà Thị S có khiếu nại.

Ngày 11/01/2006, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện M ra Quyết định số 14/QĐKN-CTUBH công nhận diện tích 262m² bị thu hồi làm đường (đất nằm trong lộ giới) là đất gốc của ông Dương Bình N và bác yêu cầu của bà Thị S (bút lục số 17). Bà S tiếp tục khiếu nại.

Ngày 07/4/2006, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện M ra Quyết định 146/QĐKN-CTUBH, công nhận Quyết định số 14/QĐKN-CTUBH ngày 11/01/2006 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện M. Bác đơn khiếu nại của bà Thị S (bút lục số 18). Bà Thị S tiếp tục khiếu nại lên Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

Ngày 30/7/2007, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng ra Quyết định số 225/QĐKN-CTUBND hủy Quyết định số 146/QĐKN-CTUBH ngày 07/4/2006 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, về việc giải quyết khiếu nại của bà Thị S và Quyết định số 14/QĐKN-CTUBH ngày 11/01/2006 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện M, về việc giải quyết tranh chấp tiền đền bù giải phóng mặt bằng Quốc lộ 1A giữa ông Dương Bình N và bà Thị S. Công nhận diện tích 262m² nằm trong phạm vi giải quyết Quốc lộ 1A, tọa lạc ấp C, xã T, huyện M là đất gốc của bà S, bà S được lãnh tiền đền bù mặt bằng Quốc lộ 1A trên diện tích này (bút lục số 379, 380).

Ngày 25/3/2013, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng ra Quyết định số 12/QĐKN-CTUBND thu hồi, hủy bỏ Quyết định số 225/QĐKN-CTUBND ngày 30/7/2007 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng (bút lục số 09)

Ngày 25/3/2013, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng ban hành Quyết định số 13/QĐKN-CTUBND, về việc giải quyết khiếu nại lần hai của bà Thị S với nội dung: “Công nhận nội dung khiếu nại xin nhận tiền bồi thường giải phóng mặt bằng của bà S tại Quốc lộ 1A trên diện tích đất 262m² của bà Thị S là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật”, vì cho rằng phần đất này không nằm trong 3.000m² đất được Đoàn giải quyết ruộng đất huyện M giải quyết buộc ông Sơn Săn H1 (con ông Sơn S4 và bà Thị S) giao lại cho gia đình bà Ngô Thị Kim S3 năm 1995.

Ông Dương Bình N cho rằng việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng ban hành Quyết định số 13/QĐKN-CTUBND gây ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của gia đình ông, nên khởi kiện yêu cầu:

- Hủy Quyết định số 13/QĐKN-CTUBND ngày 25/3/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng;

- Yêu cầu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng bồi hoàn diện tích 262m² giá trị là 26.500.000 đồng theo thời giá năm 2003 đến hiện nay năm 2021 thì số tiền = diện tích 262m² x giá đất ở thị trường thời điểm 2021.

- Yêu cầu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng bồi thường chi phí

đi lại từ ngày 17/6/2005 đến hiện nay năm 2021 mỗi năm là 1.000.000 đồng, tổng cộng 16 năm là 16.000.000 đồng;

- Yêu cầu bồi thường tiền mất công ăn việc làm từ ngày 17/6/2005 đến nay năm 2021 mỗi năm là 18.000.000 đồng, tổng cộng 16 năm là 288.000.000 đồng.

Ngày 25/02/2020, người khởi kiện ông Dương Bình N có đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu Tòa án giải quyết bao gồm:

1/Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện M cấp cho bà Thị S ngày 22/02/2016 đối với thửa đất số 159, tờ bản đồ số 16 (diện tích 189,1m²), tọa lạc ấp C, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

2/Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng cấp cho ông Huỳnh Phước H8 ngày 02/6/2016 đối với thửa đất số 159, tờ bản đồ số 16 (diện tích 189,1m²), tọa lạc ấp C, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

Ngày 11/6/2020, người khởi kiện có đơn xin rút lại yêu cầu khởi kiện bổ sung về việc yêu cầu hủy hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa 159 nêu trên. Việc rút đơn khởi kiện bổ sung của ông N là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp theo quy định của pháp luật, do đó Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào Điều 173 Luật tố tụng hành chính, đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện bổ sung nêu trên là đúng quy định pháp luật.

[3] Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng cho rằng Quyết định số 13/QĐKN-CTUBND được ban hành đúng quy định pháp luật nên không đồng ý yêu cầu khởi kiện.

[4] Đại diện của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Thị S (nay là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà S) cho rằng phần đất gia đình bà S trả cho gia đình bà S3 (mẹ ông N) là đất mồ mã không có mặt nào giáp với Quốc lộ 1A, Quyết định số 13/QĐKN-CTUBND ngày 25/3/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng xác định 262m² đất bị thu hồi làm Quốc lộ không nằm trong 3.000m² đất được Đoàn giải quyết ruộng đất huyện M giải quyết buộc ông Sơn Săn H1 (con ông Sơn S4 và bà Thị S) giao lại cho gia đình bà Ngô Thị Kim S3 năm 1995 là đúng, nên không đồng ý yêu cầu khởi kiện.

[5] Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm nhận định:

[5.1] Nội dung Quyết định số 13/QĐKN-CTUBND ngày 25/3/2013 (quyết định hành chính bị kiện) nêu: *“Công nhận nội dung khiếu nại xin nhận tiền bồi thường giải phóng mặt bằng của bà S tại Quốc lộ 1A trên diện tích đất 262m² của bà Thị S là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật”* bởi lý do UB cho rằng phần đất này không nằm trong 3.000m² đất được Đoàn giải quyết ruộng đất huyện M giải quyết buộc ông Sơn Săn H1 (con ông Sơn S4 và bà Thị S) giao lại cho gia đình bà Ngô Thị Kim S3 năm 1995”.

Theo nội dung quyết định trên và lời trình bày của các bên đương sự thì, vấn đề cần phải chứng minh khi xem xét yêu cầu khởi kiện của ông N là xác

định: (i) Tứ cận thửa đất 1462 có cạnh nào giáp với Quốc lộ 1A?; (ii) Diện tích 262,3m² bị thu hồi để làm Quốc lộ 1A có thuộc thửa đất 1462 trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 01/8/1997 cho hộ bà Ngô Thị Kim S3?

Xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện:

- Theo lược đồ giải thửa tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà S3 vào năm 1997, thì thửa 1462 có tứ cận như sau: Hướng đông giáp thửa 579 (thửa đất nhà bà S), có số đo 60,5m; Hướng tây giáp thửa 578, có số đo 60m; Hướng nam giáp Quốc lộ 1A, có số đo 37m; Hướng bắc giáp thửa 575 và thửa 1415, số đo 37m (bút lục số 57, 58). Năm 2001, ông Dương Bình N và ông Sơn Săn H1 (con bà S) có phát sinh tranh chấp về ranh đất. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện M và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng giải quyết theo các quyết định 627/QĐ.GQKT.04 ngày 05/7/2004 và 27/QĐ.GQKT.05 ngày 24/02/2005. Theo đó, phần đất ông N sử dụng có tứ cận: Phía đông giáp đất ông Sơn Săn H1, có số đo 69,60m; Phía tây giáp đất ông Sáu Cam, có số đo 69,60m; Phía nam giáp đường Quốc lộ 1A, số đo 36,84m; phía bắc giáp ông Lê Vĩnh, có số đo 49,40m (bút lục số 59, 60). Ngày 31/10/2005 ông Dương Bình N được Ủy ban nhân dân huyện M cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối thửa 1462 do nhận thừa kế từ bà S3.

Vậy, phần đất mà bà S3 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 1997 (sau này là cấp cho ông N) có cạnh hướng Nam giáp Quốc lộ 1A. Từ khi được cấp giấy chứng nhận đến nay, thì giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà S3 (sau này là cấp cho ông N) không bị cơ quan Nhà nước thu hồi để điều chỉnh lại diện tích, vị trí phần đất. Do đó, thời điểm năm 2002 Nhà nước thu hồi phần đất của dân để mở rộng Quốc lộ 1A thì diện tích đất của hộ bà S3 bị ảnh hưởng (cạnh hướng Nam giáp Quốc lộ 1A). Ủy ban nhân dân xã T thông báo gia đình bà S3 được nhận tiền bồi thường khi thu hồi đất là đúng. Việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện M ra Quyết định số 14/QĐKN-CTUBH công nhận diện tích 262m² bị thu hồi làm đường (đất nằm trong lộ giới) là đất gốc của ông Dương Bình N và bác yêu cầu của bà Thị S (bút lục số 17); Ngày 07/4/2006 Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện M ra Quyết định 146/QĐKN-CTUBH công nhận Quyết định số 14/QĐKN-CTUBH ngày 11/01/2006 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện M, bác đơn khiếu nại của bà Thị S (bút lục số 18) là có căn cứ đúng pháp luật.

- Ngày 30/7/2007, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng ra Quyết định số 225/QĐKN-CTUBND hủy Quyết định số 146/QĐKN-CTUBH ngày 07/4/2006 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, về việc giải quyết khiếu nại của bà Thị S và Quyết định số 14/QĐKN-CTUBH ngày 11/01/2006 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện M là sai. Do vậy ngày 25/3/2013, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng ra Quyết định số 12/QĐKN-CTUBND thu hồi, hủy bỏ Quyết định số 225/QĐKN-CTUBND ngày 30/7/2007 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng (bút lục số 09) là đã đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho gia đình ông N. Cùng ngày 25/3/2013, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng lại ban hành Quyết định số 13/QĐKN-CTUBND (quyết định bị kiện), về việc giải

quyết khiếu nại lần hai của bà Thị S với nội dung: “*Công nhận nội dung khiếu nại xin nhận tiền bồi thường giải phóng mặt bằng của bà S tại Quốc lộ 1A trên diện tích đất 262m² của bà Thị S là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật*” bởi lý do UB cho rằng phần đất này không nằm trong 3.000m² đất được Đoàn giải quyết ruộng đất huyện M giải quyết buộc ông Sơn Săn H1 (con ông Sơn S4 và bà Thị S) giao lại cho gia đình bà Ngô Thị Kim S3 năm 1995.

Xét, Quyết định số 12/QĐKN-CTUBND có nội dung thu hồi, hủy bỏ Quyết định số 225/QĐKN.CTUBND ngày 30/7/2007. Theo đó, Quyết định số 146/QĐKN.CTUBH ngày 07/4/2006 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện M, và Quyết định số 14/QĐKN-CTUBH ngày 11/01/2006 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện M có nội dung bác yêu cầu khiếu nại của bà S vẫn tồn tại. Sau đó, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng tiếp tục ban hành Quyết định 13/QĐKN-CTUBND có nội dung chấp nhận khiếu nại của bà S. Như vậy, trong cùng ngày 25/3/2013 Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng đã ban hành cùng lúc 02 quyết định có nội dung mâu thuẫn nhau.

Theo những phân tích nêu trên thì Quyết định số 13/QĐKN-CTUBND ngày 25/3/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng sai cả về nội dung và trình tự ban hành. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông N về việc hủy Quyết định số 13/QĐKN-CTUBND ngày 25/3/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[5.2] Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm nhận định thêm các nội dung khác như sau:

- Nội dung phản nhận định tại mục [18] trang 13 của bản án sơ thẩm nêu “*Do đó, Quyết định số 14 nêu trên, về việc giải quyết tranh chấp tiền đền bù giải phóng mặt bằng Quốc lộ 1A, giữa ông Dương Bình N và bà Thị S và Quyết định số 146 nêu trên của Chủ tịch UBND huyện M về việc giải quyết khiếu nại của bà Thị S là có căn cứ, đúng theo quy định của pháp luật. Nhưng do Quyết định số 13 của Chủ tịch UBND tỉnh Sóc Trăng, có nội dung yêu cầu Chủ tịch UBND huyện M có trách nhiệm ban hành văn bản thu hồi, hủy bỏ; đồng thời ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại của bà Thị S theo thẩm quyền, đúng quy định của pháp luật. Từ đó, ngày 06/5/2013, Chủ tịch UBND huyện M đã ban hành Quyết định số 1567/QĐ-UBND, về việc thu hồi, hủy Quyết định số 14 và Quyết định số 146 nêu trên. Tuy nhiên đến nay Chủ tịch UBND huyện M vẫn chưa có quyết định về việc giải quyết lại khiếu nại của bà Thị S như đã nêu trên*”.

Theo nội dung này, thì Quyết định 1567/QĐ-UBND là quyết định hành chính có liên quan đến quyết định bị kiện. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên hủy quyết định hành chính bị kiện, nhưng không giải quyết đối với Quyết định 1567/QĐ-UBND (dù người khởi kiện không yêu cầu) là chưa đúng quy định pháp luật. Tuy vậy, thiếu sót này không làm thay đổi bản chất nội dung vụ việc, không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm bổ sung nội dung này của bản án sơ thẩm về việc tuyên bố: Hủy Quyết định số 1567/QĐ-UBND Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện M tỉnh Sóc Trăng về việc thu

hồi, hủy Quyết định số 14 và Quyết định số 146 nêu trên, đồng thời xác định Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện M là người bị kiện trong vụ án.

- Nội dung nhận định tại mục [20] trang 13 bản án sơ thẩm nêu: “Đối với yêu cầu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng bồi thường chi phí đi lại từ ngày 17/6/2005 đến hiện nay năm 2021 mỗi năm là 1.000.000 đồng, tổng cộng 16 năm là 16.000.000 đồng; Yêu cầu bồi thường tiền mất công ăn việc làm từ ngày 17/6/2005 đến nay năm 2021 mỗi năm là 18.000.000 đồng, tổng cộng 16 năm là 288.000.000 đồng. Thì thấy rằng: Tuy Quyết định số 13 nêu trên của Chủ tịch UBND tỉnh Sóc Trăng ban hành chưa đúng theo quy định, nhưng việc ông Dương Bình N cho rằng thiệt hại nêu trên của ông là do Quyết định hành chính bị kiện gây ra là chưa có cơ sở. Ngoài ra, ông cũng không chứng minh được việc có thiệt hại thực tế xảy ra. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu bồi thường nêu trên của ông Dương Bình N”.

Tòa án cấp sơ thẩm nhận định nội dung này để không chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của ông N về việc đòi bồi thường thiệt hại trong quá trình khởi kiện là có căn cứ đúng pháp luật. Ngoài yêu cầu hủy Quyết định số 13/QĐKN-CTUBND, bồi thường thiệt hại như nhận định tại mục [20] của bản án sơ thẩm, thì ông N còn yêu cầu Tòa án *buộc cơ quan có thẩm quyền bồi hoàn diện tích 262m² giá trị là 26.500.000 đồng theo thời giá năm 2003 đến hiện nay năm 2021 thì số tiền = diện tích 262m² x giá đất ở thị trường thời điểm 2021*. Tại mục [5] trang số 10 của bản án sơ thẩm, Tòa án cấp sơ thẩm nhận định rằng yêu cầu này không thuộc phạm vi giải quyết của vụ án hành chính nên không xem xét.

Xét thấy, việc ông N yêu cầu Tòa án buộc cơ quan có thẩm quyền thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất là yêu cầu khởi kiện về hành vi hành chính, là đối tượng khởi kiện của vụ án hành chính. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc hủy Quyết định số 13/QĐKN-CTUBND, nhưng không buộc cơ quan có thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ công vụ theo quy định pháp luật là có thiếu sót. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông N về nội dung buộc cơ quan có thẩm quyền thực hiện việc chi trả khoản tiền bồi thường quyền sử dụng đất đối với 262m² mà gia đình ông N bị thu hồi theo khung giá quy định của Nhà nước tại tỉnh Sóc Trăng theo quy định pháp luật hiện hành đối với vị trí đất bị thu hồi.

[6] Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy nội dung nhận định và phán quyết của bản án sơ thẩm là có căn cứ đúng pháp luật, nhưng có thiếu sót một số nội dung làm ảnh hưởng tới quyền và lợi ích hợp pháp của người kháng cáo Dương Bình N, nên yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện là có căn cứ chấp nhận. Đối với yêu cầu kháng cáo của người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng đề nghị bác khởi kiện của ông N là không có căn cứ, nên không được chấp nhận. Do vậy Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện,

không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người bị kiện, sửa một phần bản án sơ thẩm.

[7] Do sửa bản án sơ thẩm nên người có kháng cáo không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính năm 2015,

I/Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Dương Bình N; Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng; Sửa một phần bản án sơ thẩm số 01/2021/HC-ST ngày 22/01/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

Áp dụng khoản 1 Điều 30; khoản 3, 4 Điều 32; Khoản 2 Điều 173; điểm b khoản 2 Điều 193; Điều 194 và khoản 1 Điều 348 của Luật tổ tụng hành chính năm 2015; Điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 1 Điều 34 của Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án và khoản 1 Điều 48 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1/Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện ông Dương Bình N về việc:

- Hủy Quyết định số 13/QĐKN-CTUBND ngày 25/3/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc giải quyết khiếu nại lần hai của bà Thị S, cư ngụ ấp C, xã T, huyện M.

- Hủy Quyết định số 1567/QĐ-UBND ngày 06/5/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng về việc thu hồi, hủy Quyết định số 14/QĐKN-CTUBND ngày 11/01/2006 và Quyết định số 146/QĐKN-CTUBND ngày 07/4/2006.

- Buộc cơ quan có thẩm quyền thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ cho ông Dương Bình N khi thu hồi diện tích 262m² tại thửa 1462, tờ bản đồ số 2, tọa lạc tại ấp C, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng để thực hiện dự án mở rộng Quốc lộ 1A theo khung giá quy định của Nhà nước tại tỉnh Sóc Trăng theo quy định pháp luật hiện hành đối với vị trí đất bị thu hồi.

2/Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện về việc yêu cầu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng bồi thường 288.000.000 đồng.

3/Đình chỉ giải quyết vụ án đối với các yêu cầu:

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện M cấp cho bà Thị S ngày 22/02/2016 đối với thửa đất số 159, tờ bản đồ số 16 (diện tích 189,1m²), tọa lạc ấp C, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng cấp cho ông Huỳnh Phước H8 ngày 02/6/2016 đối với thửa đất số 159, tờ bản đồ số 16 (diện tích 189,1m²), tọa lạc ấp C, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

4/Về án phí hành chính sơ thẩm:

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng mỗi người phải chịu án phí sơ thẩm số tiền 200.000 đồng.

Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí mà người khởi kiện ông Dương Bình N đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm 200.000 đồng và tạm ứng án phí phúc thẩm 200.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 009677 ngày 07/11/2013 và Biên lai số 001209 ngày 06/3/2014 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Sóc Trăng.

Ông N được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm (đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại).

II/Án phí hành chính phúc thẩm:

Ông Dương Bình N không phải chịu.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng không phải chịu, hoàn trả 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0009121 ngày 22/02/2021 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Sóc Trăng.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- Cục THADS tỉnh Sóc Trăng;
- NKK (1);
- NBK (4);
- NLQ (3);
- Lưu (10) 23b (Án TTKY).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Duyên